

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN T H
THÀNH PHỐ H N**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: **79/21/HS-ST**
Ngày: 31-5-.21

NHÂN DẠH

**NHÀ QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂY HỒ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Ah
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà PhA Thị Phụng
2. Ông Nguyễn Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hg H - Thư ký Tòa án nhân dân quận T H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T H tham gia phiên tòa:

Ông Lê Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm .21 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T H, Thành phố H N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 88/21/HSST ngày . tháng 5 năm .21 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/21/QĐXXST-HS ngày . tháng 5 năm .21 đối với:

Bị cáo Đặng Hng N, sinh năm 1978 tại H N; Hộ khẩu thường trú (HKTT): 73 Hm T Q, phường P T, quận H K, TP H N; Chỗ ở: Số 3/23 hẻm 43, ngách 32, ngõ 76 phố A D, phường Y P, quận T H, TP H N; Nghề nghiệp: Không; Trình độ giáo D1 phổ thông: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng Trung D và bà Nguyễn Thị D1; CHng: Vũ Văn T (đã chết); có hai con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm .08; Gia D có 04 chị em, bị cáo là con thứ 2; DAh chỉ bản số 509 do công A quận T H lập ngày 03/01/.21; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đầu thú ngày 21/12/.., bị tạm giữ từ ngày 21/12/.. đến ngày 30/12/.., hiện đAg bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Vũ Thị ThAh T2, sinh năm 1983; HKTT: 44 ngõ 128 Hm T Q, phường P T, quận H K, TP H N; Chỗ ở: Số 17, hẻm 43, ngách 32, ngõ 76 phố A D, phường Y P, quận T H, TP H N, xin vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong H sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, N dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/12/.., Đặng Hng N đi bộ một mình đến cửa Hng cắt tóc gội đầu của chị Vũ Thị ThAh T để gội đầu, khi vào bên trong cửa Hng thấy không có người, trên bàn uống nước phía bên phải để một chiếc túi xách màu Hng. Q sát thấy không có người trông giữ, N đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc túi nên T lại gần và lén lút lấy chiếc túi của chị T2 rồi đi ra khỏi cửa Hng. Sau đó N kiểm tra bên trong túi thấy có 01 điện thoại di động Iphone 7 plus màu đen, 01 đồng H đeo tay, số tiền 990.000đồng, 01 đăng ký xe máy, 01 căn cước công dân mAg tên Vũ Thị ThAh T, chìa khoá, thỏi son. Khoảng 14 giờ ngày 21/12/.., N đến cửa Hng điện thoại Hải Ah Mobile (số . Đặng Dung, phường Quán Thánh, quận Ba D, H N) bán cho chị Nguyễn Thị ThAh (sinh năm 1983, Trú tại: số 1/10/18 ngõ 432 Đội Cấn, Ba D, H N)

chiếc điện thoại trên được 2.500.000đồng, bán chiếc đồng H đeo tay tại một cửa Hng trên phố Hng Phèn (N không nhớ địa chỉ cụ thể) được 100.000đồng và đã sử dụng số tiền này chi tiêu cá nhân, còn lại 1.027.000đồng. N để lại túi xách bên trong có thời son, chìa khoá ở cửa Hng của chị ThAh, còn số giấy tờ tùy thân N đem vứt tại khu vực phố Hng Bò, Bát Đàn. Sau khi phát hiện bị mất tài sản ngày 21/12/.., chị T có đơn trình báo đến Công A phường Y P.

Đến 16 giờ . phút ngày 21/12/.., biết không thể trốn tránh được Đặng Hng N đã đến Cơ Q công A đầu thú khai nhận về Hnh vi phạm tội như trên.

Lời khai của N phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ trong H sơ vụ án. Cơ Q điều tra (CQĐT) đã thu giữ của N: 01 xe máy nhãn hiệu SYM Attila màu đen BKS 30F5-..; 01 điện thoại di động Samsung; số tiền 1.027.000đồng; 01 quần dài dạng quần ngũ màu cam có nhiều hoạ tiết màu đen.

Ah Trịnh ThAh Tùng (sinh năm 1977, trú tại: Số 16 hẻm 7/32/43 A D, Y P, T H) đã giao nộp cho CQĐT: 01 USB có video được trích xuất từ dữ liệu camera A ninh có hình ảnh vụ việc và không có yêu cầu gì về chiếc USB trên. CQĐT cho Đặng Hng N Q sát hình ảnh trong video trên, N thừa nhận người P nữ mặc áo khoác màu xAh đen, quần dài màu cam, đeo khẩu trAg đi vào trong cửa Hng gọi đầu và đi ra cầm chiếc túi xách màu Hng trong video chính là Đặng Hng N. T Hnh thực nghiệm điều tra xác định Hnh vi của Đặng Hng N như N dung trên.

Chị Nguyễn Thị ThAh khai: Khi mua chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu đen của N, chị không biết đó là tài sản do N trộm cắp mà có. Chị ThAh có thấy chiếc túi xách màu Hng do N bỏ lại cửa Hng, chị không rõ địa chỉ của N nên đã đem vứt đi. Chị ThAh tự nguyện giao nộp giao nộp cho CQĐT: 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen, số Imei trong máy: 355353086580960 để Pc vụ điều tra, chị ThAh không yêu cầu, đề nghị đối với N.

Tại Kết luận định giá tài sản số 254/KL-HĐĐG ngày 24/12/.. của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự - Ủy bA nhân dân quận T H kết luận: *01 chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu đen mà Đặng Hng N chiếm đoạt của chị Vũ Thị ThAh T có trị giá là 4.000.000đ (bốn triệu đồng), đối với chiếc túi xách và đồng H không có căn cứ định giá.*

Đối với chiếc đồng H đeo tay, chiếc túi xách, chìa khoá, thời son, giấy tờ tùy thân mAg tên Vũ Thị ThAh T, CQĐT đã T Hnh rà soát tuy tìm nhưng không phát hiện, thu Hi được. CQĐT đã trao trả cho chị T chiếc điện thoại Iphone 7 plus. Ngoài ra chị T2 xác nhận đã được Đặng Hng N bồi thường các tài sản bị mất còn lại với số tiền 6.000.000đồng, chị T2 không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Attila màu đen BKS 30F5-.. thu giữ của N, qua trưng cầu giám định: Xác định xe mAg BKS 30F5-.. có số khung RLGH125GD8D068310, số máy VMM9BE-D 068310 là số nguY T, xe không có trong dữ liệu xe tAg vật. Qua tra cứu trên hệ thống phương tiện giao thông cơ giới đường bộ xác định đúng tên đăng ký chiếc xe là chị Kiều Thị Kim OAh (sinh năm 1984, Trú tại 45/1 ngõ 115 Núi Trúc, phường Kim Mã, quận Ba D, H N). Xác minh tại Công A phường Kim Mã xác định chị OAh và gia D đAg sinh sống ở Đức. N khai: Chiếc xe này là của N mua ở chợ xe đã lâu và làm thất lạc giấy tờ mua bán, N chỉ còn giữ giấy tờ xe đúng tên Kiều Thị Kim OAh.

Đối với chiếc điện thoại di động Samsung là tài sản của N, chiếc quần dài dạng quần ngũ màu cam là trAg Pc N mặc khi trộm cắp tài sản của chị T2.

Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 17/5/21 VKSND quận T H đã truy tố Đặng Hng N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện VKSND quận T H luận tội: Sau khi phân tích N dung vụ án, giữ nguY quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 47 Bộ luật hình sự năm .15; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 02/.18/NQ-HĐTP ngày 15/5/18 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/.16/UBTVQH14 ngày 30/12/16 về án phí, lệ phí Tòa án: Xử phạt bị cáo từ 08 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời giA thử thách 16 đến 24 tháng kể từ ngày tuY án, giao bị cáo về UBND phường Y P để giám sát và giáo D1 trong thời giA thử thách. Tịch thu sung quỹ nH nước: Số tiền 1.027.000đồng; Lưu H sơ vụ án: 01 USB có hình ảnh vụ việc; Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Attila màu đen BKS 30F5-..., số khung:068310, số máy: 068310; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung. Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc quần dài, họa tiết màu đen. Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo biết việc bị cáo trộm cắp tài sản của chị T2 là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị xem xét H cảnh của bị cáo khó khăn, cHng bị cáo đã chết, bị cáo đAg phải nuôi hai con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia D giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện chăm sóc các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở N dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong H sơ vụ án, đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của CQĐT công A quận T H, Điều tra viên, VKSND quận T H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định của cơ Q T Hnh tố tụng, người T Hnh tố tụng. Do đó các Hnh vi, quyết định tố tụng của Cơ Q T Hnh tố tụng, người T Hnh tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về N dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại CQĐT, phù hợp với các tài liệu khác có trong H sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 21/12/.., tại số 17 hẻm 76/32/43 A D, phường Y P, quận T H, H N, Đặng Hng N đã có Hnh vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc túi bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 7plus màu đen, 01 đồng H đeo tay, số tiền 990.000đ(chín trăm chín mươi nghìn đồng), 01 đăng ký xe máy, 01 căn cước công dân mAg tên Vũ Thị ThAh T, chìa khoá, thỏi son của chị Vũ Thị ThAh T, tổng trị giá tài sản bị cáo đã chiếm đoạt là 4.990.000đ (bốn triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như luận tội của đại diện VKSND quận T H là đúng.

[3] Về tính chất của Hnh vi, nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy Hnh vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị A trong khu vực, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân, bị cáo thực hiện Hnh vi dưới hình thức lẩn tránh, mục đích thu lợi bất chính. Vì vậy việc đưa bị cáo ra xét xử và áp dụng hình phạt tương xứng với Hnh vi phạm tội của bị cáo mới đủ tác dụng giáo D1 các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại CQĐT và tại phiên tòa bị cáo tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản trộm cắp đã thu Hi được một phần trả lại cho bị hại, bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc Pc hậu quả các tài sản trộm cắp không thu Hi được, quá trình điều tra bị cáo tự nguyện ra đầu thú nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, quá trình điều tra tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội. Quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo chấp Hnh tốt các quy định của nH nước và địa phương. Bị cáo có H cảnh khó khăn, cHng bị cáo đã chết, bị cáo là lao động chính trong gia D hiện đAg nuôi hai con nhỏ. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. HĐXX thấy không cần phải bắt chấp Hnh hình phạt tù vì bị cáo có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo được cải tạo tại cộng đồng xã hội để bị cáo có cơ hội trở tHnh công dân có ích cho gia D và xã hội, thể hiện sự khoA Hng của nH nước đối với những người phạm tội lần đầu, biết ăn năn hối cải.

Hiện bị cáo đAg nuôi hai con nhỏ, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Đối với số tiền 1.027.000đồng thu giữ của bị cáo do phạm tội mà có nên tịch thu sung quỹ nH nước. Đối với 01 xe máy nhãn hiệu SYM Attila màu đen BKS 30F5-..; 01 điện thoại di động Samsung thu giữ của bị cáo không liên Q đến Hnh vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc quần dài dạng quần ngủ màu cam.

Bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

TuY bố bị cáo Đặng Hng N phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65, 47 Bộ luật hình sự năm .15; Nghị quyết số 02/.18/NQ-HĐTP ngày 15/5/.18 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Xử phạt Đặng Hng N 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời hạn thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuY án.

Giao bị cáo Đặng Hng N về Ủy bA nhân dân phường Y P, quận T H, TP H N để giám sát và giáo D1 trong thời giA thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Luật thi Hnh án hình sự. Trong thời giA thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi Hnh án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp Hnh hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng các Điều 106, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm .15;

Nghị quyết số 326/.16/UBTVQH14 ngày 30/12/.16 của Ủy bA thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử lý vật chứng (hiện đAg lưu giữ tại Chi cục Thi Hnh án dân sự quận T H và Kho bạc nH nước quận T H: Biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/5/.21; Lệnh thAh toán tiền mặt ngày 26/4/.21 Ngân Hng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam-Chi nhánh T H):

Tịch thu sung quỹ nH nước: Số tiền 1.027.000đ (một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

Trả lại cho bị cáo: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Attila màu đen BKS 30F5-..., số khung:068310, số máy: 068310; 01điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, imei:356825/07/104599/1;356850/07/104599/9;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc quần dài màu cam, họa tiết màu đen.

Án phí: Bị cáo phải nộp .0.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày thụ án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND quận T H;
- CCTHADS quận T H;
- CA quận T H;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS/VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa